

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-PT
Ngày 18- 10 – 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2018/QĐ - PT ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị Kim M, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Tô Tiến H, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 05, khóm 2, phường D, thị xã E, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị S, sinh năm: 1945, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 05, khóm 2, phường D, thị xã E, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2, đường F, quận G, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Chi nhánh thị xã E (Theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014), vắng mặt.

Ông Ngô Liêm K – Giám đốc Phòng Giao dịch D (Theo Giấy ủy quyền số 64A/NHNo.BM ngày 21/6/2018), vắng mặt.

Người kháng cáo:

Bị đơn ông Tô Tiến Hải kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Châu Thị Kim Mtrình bày:

Chị và anh Tô Tiến H qua quen biết tiến tới hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân thị trấn D ngày 08/12/2011. Sau khi về nhà chồng sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H thường xuyên uống rượu say sưa, đi sớm về muộn, chị khuyên ngăn thì vợ chồng tranh cãi; anh H không chăm lo khi chị bị bệnh, thu nhập của anh H chị không hề biết, chỉ phát tiền hàng ngày để chị mua sữa cho con và nấu cơm. Chị và anh H đã sống ly thân từ ngày 06/9/2017 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Tô Châu Gia T, sinh ngày 02/5/2013. Từ khi chị và anh H ly thân đến nay cháu T sống với chị vài ngày, sống với anh H vài ngày. Chị yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Hiện chị công tác tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thu nhập trung bình mỗi tháng khoản 3.300.000 đồng. Ngoài ra chị M có số tiền tiết kiệm 300.000.000 đồng gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C nên đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H có các loại tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 172,2m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm 2, phường D, thị xã E theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 876272, sổ vào sổ cấp GCN CH04039 ngày 26/3/2013. Chị yêu cầu chia đôi, chị hưởng giá trị quyền sử dụng đất.

+ 01 chiếc xe cuốc hiệu YANMAR mua năm 2017 với số tiền 320.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi, chị hưởng giá trị chiếc xe.

Về nợ chung: Chị và anh H có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thị xã E – Phòng Giao dịch D số tiền 130.000.000 đồng để mua xe cuốc, chị đồng ý trả cho Ngân hàng 65.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ anh H vay 300.000.000 đồng là nợ riêng anh H tự vay, chị hoàn toàn không biết và không đồng ý trả cho Ngân hàng.

Tại văn bản ngày 09 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Tô Tiến H trình bày:

Về hôn nhân theo lời trình bày của chị M là đúng, tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng. Do anh đi làm ăn phải giao tiếp với bạn bè, chiếc xe cuốc phải lưu thông qua các đường cấm nên về trễ, đôi lúc có tiếp khách chứ không nhậu nhẹt thường xuyên. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng không nghiêm trọng dẫn đến việc ly hôn. Anh hứa sẽ sửa đổi tính tình, bớt giao tiếp, chăm lo làm ăn nuôi vợ con. Anh sẵn sàng cố gắng đáp ứng các điều kiện về vật chất, tinh thần tạo cuộc sống cho vợ con tốt hơn. Do đó, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Giữa anh và chị M có một con chung là cháu Tô Châu Gia T, do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29 tháng 12 năm 2017, bà Bùi Thị S trình bày:

Do tuổi bà đã cao, không trực tiếp vay Ngân hàng được và muốn tạo điều kiện để cho con bà có phương tiện làm ăn kiếm thêm thu nhập để lo cho gia đình nên ngày 15/02/2017, bà có dùng tài sản của bà để bảo lãnh thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thị xã E - Phòng Giao dịch D để vay số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 21/02/2017 bà giao cho anh H thay mặt bà đi mua xe cuốc. Từ khi mua xe cuốc về, bà giao cho anh H thay mặt bà quản lý và sử dụng. Hiện tại bà vẫn chưa chuyển quyền sở hữu đối với xe cuốc. Từ đó, chứng minh chiếc xe cuốc hiệu YANMAR là thuộc sở hữu của bà, không phải tài sản chung của chị M và anh H nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của chị M chia tài sản là chiếc xe cuốc.

Tại văn bản ngày 21 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Liêm K đại diện cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7307LAV201703092 ngày 30/8/2017, anh H vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/8/2020, khoản vay trên hiện còn dư nợ 300.000.000 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7307LAV201800533 ngày 13/02/2018, anh H vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/02/2019, khoản vay trên hiện còn dư nợ 130.000.000 đồng.

Tài sản sử dụng thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bùi Thị S thế chấp bảo lãnh cho anh H, phần đất thửa số 51, diện tích 5.787,1m² loại đất lúa.

Xét thấy tài sản thế chấp là của bà S, không phải tài sản chung với chị M. Đồng thời trong suốt quá trình vay anh H luôn thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu anh H phải trả nợ trước hạn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xử, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 19, 33, 53, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 165, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Kim M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Kim M được ly hôn với anh Tô Tiến H.

Về con chung: Giao cháu Tô Châu Gia T, sinh ngày 02/5/2013 cho chị Châu Thị Kim M được trực tiếp nuôi. Anh Tô Tiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Gia T mà không ai được cản trở.

Buộc anh Tô Tiến H cấp dưỡng cho cháu Tô Châu Gia T định kỳ hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Buộc anh Tô Tiến H hoàn trả cho chị Châu Thị Kim M số tiền 237.300.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất thửa số 47. Anh Tô Tiến H được quyền sử dụng phần đất thửa số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 172,2m² loại đất ở đô thị tọa lạc khóm 2, phường D, thị xã E, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 876272, sổ vào sổ cấp GCN: CH04039 ngày 26/3/2013. Anh H có nghĩa vụ trả nợ chuyển mục đích sử dụng đất số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

- Buộc anh Tô Tiến H hoàn trả cho chị Châu Thị Kim M số tiền 149.328.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) là $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cuốc hiệu YANMAR. Anh Tô Tiến H được quyền sở hữu chiếc xe cuốc hiệu YANMAR, số khung 30618B, số động cơ 369996.

Dành cho anh Tô Tiến H một vụ kiện khác đối với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà chị Châu Thị Kim M gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Xác định số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo

Hợp đồng tín dụng số 7307-LAV-201800533 ngày 13/02/2018 là nợ chung của chị Châu Thị Kim M và anh Tô Tiến H, mỗi người là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Chị M và anh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng số 7307-LAV-201800533 ngày 13/02/2018.

Về chi phí định giá tài sản: Buộc chị Châu Thị Kim M và anh Tô Tiến H mỗi người chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Chị M đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ, chị M đã nộp xong. Buộc anh H nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho chị M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/7/2018 bị đơn Tô Tiến H không đồng ý toàn bộ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Về hôn nhân: yêu cầu được đoàn tụ, về con chung: yêu cầu cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong trường hợp không đoàn tụ được thì yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng; Về tài sản chung: yêu cầu giữ nguyên khối tài sản chung. Trong trường hợp buộc phải chia tài sản chung thì yêu cầu: Về thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 172,2m² tọa lạc tại khóm 2, phường D, thị xã E, tỉnh Vĩnh Long do bị đơn đứng tên. Đây được xác định là tài sản chung nên đồng ý chia theo quy định của pháp luật. Về chiếc xe cuộc hiệu Yanma B6-3 số khung 30618 số máy 369996 bị đơn xác định không phải là tài sản chung của vợ chồng mà chiếc xe cuộc này là tài sản của mẹ bị đơn là bà Bùi Thị S. Đồng thời được sự ủy quyền của mẹ bị đơn nên bị đơn đề nghị công nhận chiếc xe cuộc mua ngày 21/02/2017 theo hợp đồng mua bán là tài sản của mẹ bị đơn. Về biên bản định giá tài sản ngày 19/01/2018: bị đơn không đồng ý với phần định giá về thửa đất số 47, tờ bản đồ số 40, diện tích 172,2m² tọa lạc tại khóm 2, phường D, thị xã E, tỉnh Vĩnh Long do bị đơn đứng tên vì giá này không hợp lý nên đề nghị cho định giá lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Tô Tiến H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời anh H tha thiết được yêu cầu đoàn tụ với chị M, vì còn thương vợ con, anh H hứa sẽ khắc phục các khuyết điểm trong quá trình chung sống.

Chị không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh H và cũng không đồng ý đoàn tụ, vì anh H hay nói nặng lời với chị, ngoài ra không có đánh đập hay có hành động quá đáng gì với chị, anh H cũng có lời nói xúc phạm đến cha chị. Do

đó, hiện nay chị không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại cấp phúc thẩm xét các nội dung kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giải quyết lại những nội dung sau: Về hôn nhân để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng chăm sóc con chung là có cơ sở để xét.

Bởi căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn Châu Thị Kim M và bị đơn Tô Tiến H trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn là do bị đơn H thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm vợ con; Tiền kiểm được bị đơn H không cho nguyên đơn biết, nguyên đơn hỏi bị đơn tránh né không trả lời. Còn bị đơn Tô Tiến H thừa nhận có những khuyết điểm nêu trên nhưng do công việc làm ăn sinh sống phải giao tiếp nên có đi sớm về trễ, bị đơn vừa phải lo tiền kiểm phải trả nợ Ngân hàng vừa lo chi phí sinh hoạt gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H xác định từ trước tới nay vợ chồng không có xảy ra bạo lực gia đình, vì vậy mâu thuẫn không trầm trọng nên bị đơn tha thiết được đoàn tụ để cùng vợ chồng chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Nguyên đơn M không đồng ý kháng cáo tha thiết đoàn tụ của bị đơn, nguyên đơn không rút lại yêu cầu ly hôn, nhưng không chứng minh được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng cần cho vợ chồng có thêm thời gian để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, nên không xem xét quan hệ tranh chấp tài sản chung của vợ chồng nên cần sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu ly hôn. Từ phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H, do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn Châu Thị Kim M và bị đơn Tô Tiến H được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H là còn trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Kim M và anh Tô Tiến H qua quen biết tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 237, quyển số 01 ngày 08/12/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy, về công việc thì chị M và anh H đều có công việc ổn định mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc anh H hay đi sớm về muộn, nhậu nhẹt không quan tâm đến chị M, về tiền bạc anh H làm ra chị cũng không được biết đến. Chị M cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh, phía anh H cũng không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Anh H thừa nhận có việc đi sớm về muộn, có nhậu nhẹt nhưng không thường xuyên, về tiền bạc do còn thiếu nợ Ngân hàng nên không có dư nhiều, anh vẫn lo chi phí sinh hoạt gia đình và đưa tiền cho chị M mua sữa cho con, tại phiên tòa phúc thẩm, anh H trình bày vẫn

còn thương vợ con và tiếp tục yêu cầu được đoàn tụ. Từ những phân tích nêu trên xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh H chưa đến mức trầm trọng, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

[2.2] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mẫn với anh Hải nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh H nên không xem xét, giải quyết.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí định giá không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn Tô Tiến H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tô Tiến H. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Kim M về việc yêu cầu ly hôn với anh Tô Tiến H.

2. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh H nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh H nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chi phí định giá tài sản: Buộc chị Châu Thị Kim M và anh Tô Tiến H mỗi người chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Chị M đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ, chị M đã nộp xong. Buộc anh H nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho chị M.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về án phí và lệ phí Tòa án.

5.1 Buộc chị Châu Thị Kim M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008836 ngày 05/10/2017, nên chị không phải nộp thêm. Hoàn trả cho chị M số tiền 10.190.000 đồng (Mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008837 ngày 05/10/2017 và số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008895 ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

5.2 Anh Tô Tiến H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Tô Tiến H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp vào ngày 25/7/2018 theo lai thu số 0009243 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND TXBM: 01b;
- CC THADS TXBM: 01b;
- Các đs: 04b;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Minh Tâm